

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4833/TTKSBT-DVTTYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2023

Về việc báo giá hiệu chuẩn, thử nghiệm,
kiểm định trang thiết bị và y dụng cụ
phòng xét nghiệm

Kính gửi: Quý Công ty

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố có nhu cầu tiếp nhận báo giá hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định trang thiết bị và dụng cụ phòng xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược - VTTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường 03, quận 08, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028).39242717, 39234629. Line: 176. Email: khoa.duocvtyt.hcdc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - VTTYT - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, số 366A Âu Dương Lân, Phường 03, Quận 08, TP.HCM.

- Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ "Thư báo giá theo yêu cầu báo giá số: 4833./TTKSBT-DVTTYT ngày 09/11/2023".

- Nhận qua email: khoa.duocvtyt.hcdc@gmail.com. (Báo giá file mềm)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09 tháng 11 năm 2023 đến trước 16h ngày 21 tháng 11 năm 2023.

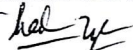
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Đính kèm danh mục các trang thiết bị và y dụng cụ thực hiện chuẩn, thử nghiệm, kiểm định.

Đơn vị tham gia báo giá vui lòng cung cấp:

- Báo giá đầy đủ cho tất cả các trang thiết bị, y dụng cụ theo danh sách đính kèm
- Giấy chứng nhận đăng ký ngành nghề hoạt động phù hợp với nội dung yêu cầu.
- Đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn có phạm vi hiệu chuẩn được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thoả ước thừa nhận lẫn nhau ILAC MRA".

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT.
- (TBH, 5b).

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Hồng Tâm





DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ THỰC HIỆN HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH

A. Hiệu chuẩn

STT	Danh mục thiết bị/ y dụng cụ	Thông số hiệu chuẩn	số lượng	Đơn vị tính
I. Thiết bị				
1.	Tủ mát	5 ⁰ C	1	Cái
2.	Tủ đông	-20 ⁰	1	Cái
3.	Tủ mát	3 ⁰ C	1	Cái
4.	Cân kỹ thuật	- Kiểm tra độ lặp lại của cân; - Kiểm tra tải trọng lệch tâm;	1	Cái
5.	Cân kỹ thuật	- Kiểm tra các mức tải; - Kiểm tra độ trôi theo thời gian	1	Cái
6.	Tủ mát	5 ⁰ C	1	Cái
7.	Tủ an toàn sinh học	- Vận tốc dòng khí qua cửa làm việc; - Vận tốc dòng khí qua lọc HEPA; - Độ ồn của tủ khi được vận hành; - Cường độ ánh sáng bên trong khoang làm việc; - Kiểm tra độ rò rỉ của HEPA; - Nồng độ hạt có kích thước (0,3 – 5,0) μ m trong khu vực làm việc; - Hình thái dòng khí.	1	Cái
8.	Tủ ấm	44 ⁰ C; 35 ⁰ C	1	Cái
9.	Tủ ấm	35 ⁰ C; 37 ⁰ C; 60 ⁰ C	1	Cái
10.	Tủ ấm	41.5 ⁰ C; 44 ⁰ C	1	Cái
11.	Tủ ấm	30 ⁰ C; 36 ⁰ C; 44 ⁰ C	1	Cái
12.	Tủ ấm	37 ⁰ C; 42 ⁰ C; 60 ⁰ C	1	Cái
13.	Tủ đông	-20 ⁰ C	1	Cái
14.	Tủ mát	5 ⁰ C	1	Cái
15.	Bếp cách thủy	37 ⁰ C; 41.5 ⁰ C	1	Cái
16.	Tủ an toàn sinh học	- Vận tốc dòng khí qua cửa làm việc; - Vận tốc dòng khí qua lọc HEPA; - Độ ồn của tủ khi được vận hành; - Cường độ ánh sáng bên trong khoang làm việc; - Kiểm tra độ rò rỉ của HEPA; - Nồng độ hạt có kích thước (0,3 – 5,0) μ m trong khu vực làm việc; - Hình thái dòng khí.	1	Cái



trai

STT	Danh mục thiết bị/ y dụng cụ	Thông số hiệu chuẩn	số lượng	Đơn vị tính
17.	Máy đo pH để bàn	pH 4; 7; 10	1	Cái
18.	Tủ mát	5 ⁰ C	1	Cái
19.	Tủ sấy	170 ⁰ C	1	Cái
20.	Tủ bảo quản hóa chất	5 ⁰ C	1	Cái
21.	Tủ bảo quản hóa chất	5 ⁰ C	1	Cái
22.	Tủ an toàn sinh học	- Vận tốc dòng khí qua cửa làm việc; - Vận tốc dòng khí qua lọc HEPA; - Độ ồn của tủ khi được vận hành; - Cường độ ánh sáng bên trong khoang làm việc; - Kiểm tra độ rò rỉ của HEPA; - Nồng độ hạt có kích thước (0,3 – 5,0) μ m trong khu vực làm việc; - Hình thái dòng khí.	1	Cái
23.	Nồi hấp tiệt trùng	115 ⁰ C; 121 ⁰ C	1	Cái
24.	Nồi hấp tiệt trùng	115 ⁰ C; 121 ⁰ C	1	Cái
25.	Tủ sấy	170 ⁰ C	1	Cái
26.	Tủ sấy	170 ⁰ C	1	Cái
27.	Tủ sấy	170 ⁰ C	1	Cái
28.	Nồi hấp tiệt trùng	115 ⁰ C; 121 ⁰ C	1	Cái
29.	Tủ ấm	36 ⁰ C; 37 ⁰ C	1	Cái
30.	Quang phổ UV-VIS		1	Cái
31.	Máy đo pH Toledo	pH 4; 7; 10	1	Cái
32.	Máy đo pH Eutech	pH 4; 7; 10	1	Cái
33.	Cân Kỹ thuật 3 số lẻ Kern	50g, 100g	1	Cái
34.	Máy đo độ đục Lovibond	<0.1; 20; 200; 800 NTU	1	Cái
35.	Máy đo độ đục Lovibond	<0.1; 20; 200; 800 NTU	1	Cái
36.	Bếp cách thủy 4 chỗ Julabo	97 ⁰ C	1	Cái
37.	Bếp cách thủy 6 chỗ Julabo	97 ⁰ C	1	Cái
38.	Bếp cách thủy 6 chỗ Memmert	70 ⁰ C	1	Cái
39.	Tủ sấy Memmert	104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái

STT	Danh mục thiết bị/ y dụng cụ	Thông số hiệu chuẩn	số lượng	Đơn vị tính
40.	Tủ sấy Memmert	104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái
41.	Cân phân tích 4 số lẻ Kern	1g, 5g, 50g	1	Cái
II. Y dụng cụ				
1.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	3 ⁰ C; 42 ⁰ C	1	Cái
2.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	36 ⁰ C	1	Cái
3.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	44 ⁰ C	1	Cái
4.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	41,5 ⁰ C	1	Cái
5.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	25 ⁰ C; 22 ⁰ C	1	Cái
6.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	30 ⁰ C	1	Cái
7.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	37 ⁰ C	1	Cái
8.	Nhiệt kế thủy ngân -10 → 50 ⁰ C	35 ⁰ C	1	Cái
9.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
10.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
11.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
12.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
13.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
14.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 22 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
15.	Nhiệt kế đầu dò	5 ⁰ C; 35 ⁰ C; 36 ⁰ C; 37 ⁰ C; 41,5 ⁰ C	1	Cái
16.	Nhiệt kế đầu dò	5 ⁰ C; 35 ⁰ C; 36 ⁰ C; 37 ⁰ C; 41,5 ⁰ C	1	Cái
17.	Nhiệt kế đầu dò	-20 ⁰ C; 37 ⁰ C; 5 ⁰ C; 44 ⁰ C; 60 ⁰ C; 170 ⁰ C	1	Cái
18.	Nhiệt kế đầu dò	-20 ⁰ C; 37 ⁰ C; 5 ⁰ C; 44 ⁰ C; 60 ⁰ C; 170 ⁰ C	1	Cái
19.	Đồng hồ bấm giây	15 phút	1	Cái
20.	Đồng hồ bấm giây	15 phút	1	Cái
21.	Nhiệt kế vẩy	115 ⁰ C; 121 ⁰ C	1	Cái
22.	Nhiệt kế vẩy	115 ⁰ C; 121 ⁰ C	1	Cái



Thal

STT	Danh mục thiết bị/ y dụng cụ	Thông số hiệu chuẩn	số lượng	Đơn vị tính
23.	Nhiệt kế dầu dò	5 ⁰ C	1	Cái
24.	Nhiệt kế dầu dò	37 ⁰ C	1	Cái
25.	Nhiệt kế dầu dò	36 ⁰ C	1	Cái
26.	Nhiệt kế dầu dò	35 ⁰ C	1	Cái
27.	Nhiệt kế dầu dò	-20 ⁰ C	1	Cái
28.	Nhiệt kế thủy tinh	3 ⁰ C; 10 ⁰ C	1	Cái
29.	Nhiệt kế thủy tinh	3 ⁰ C; 10 ⁰ C	1	Cái
30.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 25 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
31.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 25 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
32.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 25 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
33.	Nhiệt kế rượu	3 ⁰ C; 10 ⁰ C	1	Cái
34.	Nhiệt kế rượu	3 ⁰ C; 10 ⁰ C	1	Cái
35.	Nhiệt kế rượu	3 ⁰ C; 10 ⁰ C	1	Cái
36.	Nhiệt kế dầu dò	-20 ⁰ C; 104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái
37.	Nhiệt kế dầu dò	3 ⁰ C; 10 ⁰ C; 20 ⁰ C	1	Cái
38.	Nhiệt kế dầu dò	3 ⁰ C; 10 ⁰ C; 20 ⁰ C	1	Cái
39.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 25 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
40.	Nhiệt ẩm kế	t ⁰ : 25 ⁰ C độ ẩm: 40%; 60%	1	Cái
41.	Nhiệt kế dầu dò	-20 ⁰ C; 104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái
42.	Nhiệt kế dầu dò	-20 ⁰ C; 104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái
43.	Nhiệt kế dầu dò	-20 ⁰ C; 104 ⁰ C; 105 ⁰ C; 180 ⁰ C	1	Cái
44.	Nhiệt kế dầu dò	3 ⁰ C; 10 ⁰ C; 20 ⁰ C	1	Cái
45.	Nhiệt kế dầu dò	3 ⁰ C; 10 ⁰ C; 20 ⁰ C	1	Cái
46.	Buret nâu 25 mL	25 mL (1 cái)	1	Cái
47.	Buret trắng 25 mL	25 mL (1 cái)	1	Cái
48.	Buret trắng 10 mL	10 mL (1 cái)	1	Cái

STT	Danh mục thiết bị/ y dụng cụ	Thông số hiệu chuẩn	số lượng	Đơn vị tính
49.	Pipet bầu 1 mL	1 mL (1 cái)	1	Cái
50.	Pipet bầu 2 mL	2 mL (1 cái)	1	Cái
51.	Pipet bầu 3 mL	3 mL (1 cái)	1	Cái
52.	Pipet bầu 4 mL	4 mL (1 cái)	1	Cái
53.	Pipet bầu 5 mL	5 mL (1 cái)	1	Cái
54.	Pipet bầu 10 mL	10 mL (1 cái)	1	Cái
55.	Bình định mức 50 mL	50 mL (1 cái)	1	Cái
56.	Bình định mức 100 mL	100 mL (1 cái)	1	Cái
57.	Bình định mức 1000 mL	1000 mL (1 cái)	1	Cái

B. Kiểm định

STT	Danh mục thiết bị	Hãng sản xuất	Model	Số lượng	Đơn vị tính
1	Nồi hấp tiệt trùng	Hurrayama	HV - 85	1	Cái
2	Nồi hấp tiệt trùng	Hurrayama	HVA - 85	1	Cái
3	Nồi hấp tiệt trùng	Hurrayama	HV - 110	1	Cái



hal



Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế.

STT	Danh mục thiết bị/y dụng cụ	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (+VAT)	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Handwritten signature

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.